

NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN
TUẦN 2 (13/9 – 18/9/2021)

	TIẾT 5 + 6	TIẾT 7 + 8	TIẾT 8
TUẦN 1 13/9–18/9	<i>Trong lòng mẹ</i>	Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ	Trường từ vựng

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP :

1. Trước mỗi buổi học, các em đọc trước **phần Lý thuyết** của mỗi bài học trong SGK và trong tài liệu này.
2. Sau các buổi học trực tuyến, các em hoàn thành **phần Bài tập** trong tài liệu này, nộp cho GV qua địa chỉ mail hoặc zalo của GV. Bài làm có thể đánh máy hoặc viết tay. **Chú ý ghi rõ họ tên và lớp của các em khi nộp bài.**

PHẦN LÝ THUYẾT

TIẾT 5 + 6:

TRONG LÒNG MẸ

NGUYỄN HỒNG

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Có được những kiến thức sơ giản về thể văn hồi kí.
- Thấy được đặc điểm của thể văn hồi kí qua ngòi bút Nguyễn Hồng: thấm đượm chất trữ tình, lời văn chân thành, dạt dào cảm xúc.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Khái niệm thể loại hồi kí.
- Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích *Trong lòng mẹ*.
- Ngôn ngữ truyện thể hiện niềm khát khao tình cảm ruột thịt cháy bỏng của nhân vật.
- Ý nghĩa giáo dục: những thành kiến cổ hủ, nhỏ nhen, độc ác không thể làm khô héo tình cảm ruột thịt sâu nặng, thiêng liêng.

2. Kỹ năng:

- Bước đầu biết đọc – hiểu một văn bản hồi kí.
- Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự để phân tích tác phẩm truyện.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

Giáo dục có vai trò quan trọng , mở ra “cánh cổng kì diệu” cho con người. Đó là cánh cổng của tri thức, của phẩm chất, của tình thương yêu...ma mỗi người cần có trong cuộc đời.

2. Đọc – hiểu văn bản

a) Nội dung

- Tình cảm sâu nặng của cha mẹ, gia đình với con cái.
- Ý nghĩa lớn lao của nhà trường đối với cuộc đời mỗi con người.

b) Nghệ thuật

- Lựa chọn hình thức tự bạch như những dòng nhật kí của mẹ.
- Vận dụng các phương thức biểu đạt biểu cảm.
- Sử dụng ngôn ngữ biểu cảm.

c) Ý nghĩa văn bản

Như những dòng nhật kí tâm tình, nhỏ nhẹ và sâu lắng, bài văn giúp ta hiểu thêm tấm lòng yêu thương, tình cảm sâu nặng của người mẹ đối với con cái và vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc sống mỗi con người.

3. Rèn luyện thêm

- Đọc thêm văn bản “Trường học” trong SGK trang 9.
-

TIẾT 7 : CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ (Tự học có hướng dẫn)

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Phân biệt được các cấp độ khái quát về nghĩa của từ ngữ.
- Biết vận dụng hiểu biết về cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ vào đọc – hiểu và tạo lập văn bản.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức:

Các cấp độ khái quát về nghĩa của từ ngữ.

2. Kỹ năng:

Thực hành so sánh, phân tích các cấp độ khái quát về nghĩa của từ ngữ.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung:

Nghĩa của từ có thể rộng hơn (khái quát hơn) hoặc hẹp hơn (ít khái quát hơn) nghĩa của các từ khác.

- Một từ ngữ được coi là có nghĩa rộng, khi phạm vi nghĩa của từ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.

- Một từ ngữ được coi là có nghĩa hẹp, khi phạm vi nghĩa của từ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.

- Một từ có nghĩa rộng đối với những từ ngữ này, đồng thời có thể có nghĩa hẹp đối với một từ ngữ khác.

2. Luyện tập

Xác định nghĩa rộng, nghĩa hẹp của các từ cho sẵn.

TIẾT 8 : TRƯỜNG TỪ VỰNG

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Hiểu được thế nào là trường từ vựng và xác lập được một số trường từ vựng gần gũi.
- Biết cách sử dụng các từ cùng trường từ vựng để nâng cao hiệu quả diễn đạt.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

Khai niệm trường từ vựng.

2. Kỹ năng:

- Tập hợp các từ có chung nét nghĩa vào cùng một trường từ vựng.
- Vận dụng kiến thức về trường từ vựng để đọc – hiểu và tạo lập văn bản.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

2. Luyện tập

- Tìm ra các từ ngữ cùng thuộc một trường từ vựng, đặt tên cho trường từ vựng.

PHẦN BÀI TẬP

1. “Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ...”

Câu thơ giản dị là thế, nhưng khiến chúng ta xiết bao cảm động, gọi chúng ta nhớ đến người mẹ thân yêu của mình. Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) kể về người mẹ yêu quý của em.

2. Hãy đặt tên trường từ vựng cho mỗi dãy từ dưới đây :

- cày, cuốc, thuổng, mai, bừa, liềm, hái
- tủ, rương, vali, chạn, thúng, mùng, nong, nia, chai, lọ, vại, hũ, bình
- hiền, dữ, tốt bụng, rộng rãi, bủn xỉn, ranh ma
- buồn, vui, sợ hãi, giận dữ, căm phẫn, nể phục, xao xuyến, lo âu, yêu mến

3. Xác định những từ ngữ thuộc trường từ vựng : “bộ phận con người” , “dụng cụ nhà bếp”, “trạng thái của thực phẩm” , “cảm giác của con người” , “màu sắc” trong văn bản dưới đây:

Mùa đông, bé say sưa ngắm nhìn ngọn lửa cháy trong bếp lò. Ngọn lửa mềm mại, vui tươi. Ngọn lửa khi thì màu vàng rực rỡ, lúc thì lại màu xanh lét. Ngọn lửa liếm mãi, làm nước trong nồi sôi, com trong nồi chín, thịt trong nồi nhừ. Trên đời này ngọn lửa thật có ích.

Mùa đông lạnh lắm. Nhưng bé ngồi lòng mẹ thì luôn cảm thấy ấm áp. Một hơi ấm êm ái, dịu dàng. Có lẽ, trong người mẹ có một ngọn lửa. Ngọn lửa sưởi ấm cho bé.

Mùa đông lạnh lắm. Mọi vật xung quanh đều lạnh cả. Cái cốc, cái thìa, cái dao, cái đĩa...tất cả đều lạnh. Nhưng đôi tay bé, bộ ngực của bé và đôi má hồng của bé vẫn ấm áp. Bởi trong bé có một ngọn lửa. Chẳng thế, mùa đông, mẹ thích hôn lên má bé. Ngọn lửa trong bé sưởi ấm cho mẹ.

Thật thú vị biết bao, khi mỗi con người là một ngọn lửa thiêng liêng soi sáng và sưởi ấm cuộc đời này.